

**ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẶC KHU BẠCH LONG VĨ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 161/UBND-TTPVHCC

Bạch Long Vĩ, ngày 07 tháng 8 năm 2025

V/v công khai Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực tư pháp.

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị đặc khu;
- Trưởng các Thôn trên địa bàn đặc khu;
- Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn đặc khu.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công đặc khu.

Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết với các nội dung:

1. Công khai Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực tư pháp trên địa bàn đặc khu Bạch Long Vĩ (***Danh mục thủ tục hành chính kèm theo***).

2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực tư pháp công khai tại Văn bản này thay thế các thủ tục hành chính cùng nội dung đã được công khai.

3. Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Văn bản này được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Cổng thông tin điện tử đặc khu Bạch Long Vĩ (Địa chỉ truy cập: <https://bachlongvy.haiphong.gov.vn>) theo quy định.

Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ công khai đề các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- Công TTĐT (*đăng tin*);
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Quang Trường

PHỤ LỤC

**Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tư pháp
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ**
(Kèm theo Công văn số 161/UBND-TTPVHCC ngày 07/8/2025 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao giấy khai sinh	-Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; -Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	Hộ tịch	UBND đặc khu Bạch Long Vĩ
2	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch			
3	1.001193	Đăng ký khai sinh			
4	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài			
5	1.004884	Đăng ký lại khai sinh			
6	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài			
7	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ con			
8	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài			
9	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con			
10	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài			

11	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	-Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; -Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	Hộ tịch	UBND đặc khu Bạch Long Vĩ
12	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân			
13	1.000894	Đăng ký kết hôn			
14	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài			
15	1.004746	Đăng ký lại kết hôn			
16	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài			
17	1.000656	Đăng ký khai tử			
18	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài			
19	1.005461	Đăng ký lại khai tử			
20	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài			
21	1.004837	Đăng ký giám hộ			
22	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài			
23	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ			
24	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài			
25	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ			

26	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	-Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; -Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	Hộ tịch	UBND đặc khu Bạch Long Vĩ
27	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài			
28	2.002189	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài			
29	2.000554	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài			
30	2.000547	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)			
31	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động			
32	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động			
33	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động			
34	1.004873	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân			
35	2.001263	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước			
36	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước			
37	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi			

38	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em ở nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi			
39	2.002363	Ghi vào sổ Đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài			